

Bản án số: 17/2023/DS-ST  
Ngày: 26-7-2023  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

***Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 22/5/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 19AA;

*Địa chỉ:* Số B, khóm C, phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương Th1, sinh năm 19EE;

*Địa chỉ:* Số B, khóm C, phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (*Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2022*).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Lại Phan Xuân Đ, Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

*Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 19II;

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 19ZZ;

*Cùng địa chỉ:* Số F, ấp G, xã H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Nguyễn Thị Phương Th1, Luật sư Lại Phan Xuân Đ có mặt; ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Phương Th1 trình bày:*

Ngày 07/4/2020 tại Văn phòng luật sư T1, bà Th có cho vợ chồng ông T, bà N vay số tiền 120 triệu đồng, có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Biên nhận có ông T ký tên, bà N có mặt nhưng không ký tên trong biên nhận (Vì bà Th tin tưởng có ông T ký là đủ). Ngoài ra, biên nhận còn có người làm chứng là luật sư T1 ký tên và đóng dấu văn phòng luật sư.

Việc giao nhận số tiền vay 120 triệu đồng thực hiện ngay tại văn phòng luật sư T1, sau khi làm biên nhận bà Th giao tiền cho ông T nhận đủ 120 triệu đồng, ông T đưa lại cho bà N đếm trước sự chứng kiến của người làm chứng là luật sư T1 và ông Nguyễn Văn H1 (người giới thiệu cho vay).

Theo thỏa thuận vay tiền thì ông T có đưa cho bà Th giữ 01 giấy chứng nhận QSDĐ do cá nhân ông T đứng tên thửa 1283, tờ bản đồ 26, diện tích 326,3m<sup>2</sup> (ODT + CLN), tọa lạc tại xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc. Hai bên chỉ thỏa thuận giao giấy chứng nhận QSDĐ của ông T cho bà Th giữ mà không có thỏa thuận gì liên quan đến QSDĐ, cũng không làm hợp đồng thế chấp QSDĐ.

Từ lúc vay tiền đến nay ông T, bà N không đóng lãi lần nào và chưa trả vốn cho bà Th. Hiện giấy chứng nhận QSDĐ của ông T bà Th vẫn đang cất giữ.

Nay bà Huỳnh Thị Th yêu cầu ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N liên đới trả số tiền vốn vay 120 triệu đồng và lãi tạm tính từ ngày 07/4/2020 tới ngày 07/9/2022 là 28.884.000đ (theo lãi suất 0,83%/tháng). Tổng cộng vốn, lãi 148.884.000đ và yêu cầu tính lãi cho đến khi tòa án giải quyết xong.

Bà Th tự nguyện trả lại giấy chứng nhận QSDĐ cho ông T, bà Th không có yêu cầu gì liên quan đến QSDĐ của ông T.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu hay ý kiến gì khác.

*\* Đối với bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T, bà N không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến.*

*\* Phát biểu bảo vệ cho nguyên đơn luật sư trình bày:* Việc bà Th cho vợ chồng ông T, bà N vay tiền 120 triệu đồng là sự thực, có lập hợp đồng vay tiền, có người làm chứng. Đối với bà N là vợ ông T, cùng với ông T vay tiền và lấy tài sản chung vợ chồng thế chấp cho số tiền vay, mặc dù bà N không ký tên trong hợp đồng nhưng cùng đi vay tiền với ông T. Do đó, luật sư đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự bên nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông T trả nợ 120 triệu đồng và lãi cho bà Th, không chấp nhận buộc bà N liên đới.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay”.

- Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Địa chỉ cư trú của bị đơn tại thành phố Sa Đéc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, ông T, bà N tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Phương Th1 đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt ông T, bà N. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông T, bà N nhận, tuy nhiên ông T, bà N không có văn bản trình bày ý kiến, cũng không đến tòa trong các lần Tòa án triệu tập. Ngoài ra, qua Tòa án xác minh theo biên bản ngày 12/4/2023 thấy rằng: Hiện ông T, bà N vẫn đang sinh sống tại nhà, bà N đi làm thuê hàng ngày còn ông T ở nhà. Như vậy, chứng minh ông T, bà N biết rõ việc bà Th khởi kiện nhưng đã từ bỏ quyền lợi về việc cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2.2] Xét chứng cứ nguyên đơn giao nộp là “Tờ hợp đồng về việc vay tiền” ngày 07/4/2020 HĐXX thấy rằng: Hợp đồng lập tại Văn phòng luật sư T1, theo lời tự khai của ông T1 cũng xác nhận hợp đồng trên lập tại Văn phòng luật sư của ông T1, ông T1 có chứng kiến việc các bên thỏa thuận vay tiền, có chứng kiến ông T đưa giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Th, việc giao tiền ông T1 không chứng kiến, ông T1 không nhớ khi vay tiền có mặt bà N hay không. Ông T1 thừa nhận có ký tên người làm chứng trong hợp đồng vay tiền.

Đối với lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn H1 cũng trình bày có thấy 3 bên (bà Th với ông T, bà N) lập hợp đồng vay tiền và bà Th có giao đủ số tiền vay cho ông T, bà N.

[2.3] HĐXX thấy rằng nội dung lời khai của người làm chứng ông T1 và ông H1 về việc bà Th cho ông T vay tiền phù hợp với các chứng cứ khác là biên nhận vay tiền, lời khai nguyên đơn nên có cơ sở chấp nhận.

*Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản:*

*“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

Do đó, HĐXX xác định bà Th có cho ông T vay số tiền 120 triệu đồng chưa trả nên ông T phải có nghĩa vụ trả nợ 120 triệu đồng cho bà Th là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Xét số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày vay 07/4/2020 tới ngày tòa án giải quyết xong là phù hợp quy định tại Điều 468 BLDS về lãi suất nên chấp nhận. Theo đó, tiền lãi là: 120 triệu x 36 tháng 18 ngày x 0,83% = 36.453.600đ. Tổng cộng vốn lãi: 156.453.600đ (Một trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm đồng).

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu bà N liên đới trả nợ HĐXX thấy rằng:

Về mối quan hệ ông T và bà N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 1993 (Theo xác nhận của UBND xã Tân Khánh Đông).

*Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:*

*1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.*

*2. Trong trường hợp vợ chồng không có tài sản chung hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng góp tài sản riêng theo khả năng kinh tế của mỗi bên.*

Qua đó, xét việc bà Th cho rằng cả hai vợ chồng ông T, bà N cùng vay số tiền 120 triệu đồng nhưng qua chứng cứ hợp đồng vay thể hiện rõ: Bên cho vay là bà Huỳnh Thị Th; Bên vay là ông Lê Văn T (không có bà Nguyễn Thị N); lời khai người làm chứng là ông T1 cũng không nhớ ngày vay tiền có mặt bà N hay không. Đối với lời khai người làm chứng là ông H1 nói có bà N nhưng ông H1 lại không có ký tên người làm chứng trong hợp đồng vay nên lời khai của ông H1 chưa đủ cơ sở chấp nhận. Do đó, xét chứng cứ nguyên đơn cũng không đủ căn cứ xác định bà N có tham gia vay tiền của bà Th. Tại phiên tòa nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh được bà N có sử dụng số tiền vay hay ông T sử dụng tiền vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặc dù số nợ của bà Th phát sinh trong

thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà N nhưng những chứng cứ của nguyên đơn cung cấp trên không đủ căn cứ buộc bà N có nghĩa vụ liên đới trả nợ như đã phân tích.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc ông T trả cho bà Th số tiền vốn vay 120 triệu đồng và lãi 36.453.600đ. Tổng cộng vốn lãi: 156.453.600đ (Một trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm đồng). Bác yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu bà N liên đới trả nợ.

[5] Qua đó, xét ý kiến luật sư nguyên đơn HĐXX chỉ chấp nhận một phần.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định pháp luật.

[8] Đối với giấy chứng nhận QSDĐ có số bìa CU 671460 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Lê Văn T đứng tên ngày 10/02/2020 thửa 1283, tờ bản đồ 26, diện tích 326,3m<sup>2</sup> (ODT + CLN), tọa lạc tại xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, bà Th tự nguyện trả lại cho ông T nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của bà Th.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th.

Buộc bị đơn ông Lê Văn T trả cho bà Th số tiền vốn vay 120.000.000đ và lãi 36.453.600đ. Tổng cộng vốn, lãi: 156.453.600đ (Một trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm đồng).

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N liên đới trả nợ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th về việc trả lại cho ông T bản chính giấy chứng nhận QSDĐ có số bìa CU 671460 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Lê Văn T đứng tên ngày 10/02/2020 thửa 1283, tờ bản đồ 26, diện tích 326,3m<sup>2</sup> (ODT + CLN), tọa lạc tại xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Văn T nộp 7.822.680đ án phí DSST.

Bà Huỳnh Thị Th nộp 300.000đ án phí DSST. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 3.722.000đ theo biên lai số 0000989 ngày 16/9/2022 và 300.000đ theo biên lai số 0001233 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố Sa Đéc. Sau khi khấu trừ án phí, hoàn trả cho bà Th nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.722.000đ.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày hôm nay tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

*Nơi nhận:*

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Trần Minh Trí**

